

Số: 09 /KH-THHH

Hồng Hưng, ngày 18 tháng 8 năm 2023

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

Năm học 2023- 2024

Căn cứ Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5 tháng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH, ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 từ năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 11/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2023 -2024;

Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2022 - 2023 và tình hình thực tế của nhà trường trong năm học 2023 – 2024,

Trường Tiểu học Hồng Hưng xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2024 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NĂM HỌC 2023-2024

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Huyện Gia Lộc những năm gần đây có tốc độ phát triển kinh tế, xã hội khá mạnh, 100% số xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, đã và đang được đầu tư mạnh về cơ sở hạ tầng. Nhiều công ty, doanh nghiệp đang xây dựng, đầu tư, phát triển, thu hút lượng người của các xã vào làm công nhân khá đông. Trình độ dân trí đang dần được nâng cao.

Hồng Hưng là một xã nằm ở phía đông nam huyện Gia Lộc. Địa bàn dân cư tương đối tập trung, toàn xã có 6 thôn. Nghề chính của nhân dân trong xã là sản xuất nông nghiệp. Nhiều người trong độ tuổi lao động làm công nhân trong các công ty trên địa bàn của xã, huyện. Đời sống của nhân dân ngày càng được cải thiện, tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội cũng được giữ vững.

Đảng, chính quyền, các đoàn thể quan tâm đến các hoạt động giáo dục. Ban đại diện Cha mẹ học sinh thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình trên mọi hoạt động của nhà trường, phối kết hợp trong việc giáo dục học sinh; động viên thầy trò kịp thời trong mọi hoạt động; hỗ trợ học sinh nhà trường nhiều mặt: tinh thần, vật chất để tu sửa cơ sở vật

chất nhà trường.

Nhiều gia đình học sinh có mạng Internet, máy tính các đồ dùng công nghệ số... Trình độ công nghệ của một số phụ huynh học sinh ngày được nâng cao, có thể hỗ trợ học sinh trong các hoạt động học tập, giáo dục, vui chơi...thuận lợi phối hợp các lực lượng cũng như triển khai học các môn liên quan đến công nghệ.

Vì ở vùng nông thôn nên học sinh ít có điều kiện tiếp xúc với ngoại ngữ và các hoạt động nghệ thuật. Địa phương có rất ít địa điểm để học sinh được tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí và trải nghiệm.

2. Đặc điểm của nhà trường năm học 2023 – 2024

2.1 Cơ cấu tổ chức:

Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy đảm bảo theo Điều lệ trường tiểu học. Bao gồm: 1 hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng, 3 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng.

Trường

có Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng và các hội đồng tư vấn khác ; có chi bộ Đảng gồm 19 đảng viên, công đoàn cơ sở gồm 34 công đoàn viên và Liên đội TNTPHCM.

2.1 Đặc điểm học sinh

Trường có 690 học sinh chia thành 21 lớp.

Tỷ lệ HS/ lớp: 32,8 HS/lớp.

Cụ thể

Khối	Số lớp	Số HS	Số HS nữ	Số HS nam	HSK T	Trẻ mồ côi	Con hộ nghèo	Con hộ cận nghèo	HS lưu ban
1	4	125	50	75			3	1	3
2	4	132	60	72		1	2	3	2
3	4	135	76	59	1		3	2	
4	4	136	61	75			3	2	
5	5	162	84	78	1		5	2	
Cộng	21	690	331	359	2	1	16	10	5

2.2 Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Tổng số giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý: 34.

Tỷ lệ giáo viên/lớp: 1,38

Cụ thể:

TT	CBQL, giáo viên, nhân viên	SL	Nữ	Trình độ ĐT		Đảng viên	Đoàn viên	Ghi chú
				ĐH	CĐ			
Cán bộ quản lý		2	2	2		2		
1.	Hiệu trưởng	1	1	1		1		
2.	Phó hiệu trưởng	1	1	1		1		
Giáo viên		29	26	29		16		
1.	GV dạy môn cơ bản	23	21	23		13		
2.	GV dạy môn chuyên	6	5	6		3		
2.1	Ngoại ngữ	2	2	2		1		
2.2	Tin học và Công nghệ	1	0	1				
2.3	Giáo dục thể chất	1	1	1		1		
2.4	Nghệ thuật (Âm nhạc)	1	1	1		1		
2.5	Nghệ thuật (Mĩ thuật)	1	1	1				
Nhân viên		3	3	2	1	1		
1.	Thư viện, thiết bị	1	1	1				
2.	Văn thư - Kế toán	1	1	1		1		
3.	Thủ quỹ - Y tế	1	1		1			
Tổng		34	31	33	1	19		

Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đã hoàn thành chương trình BDTX chương trình GDPT 2018; được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về chương trình, sách giáo khoa đảm bảo để tổ chức dạy học các môn học/hoạt động giáo dục theo Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1,2,3,4 và triển khai dạy học 2 buổi/ngày cho 100% học sinh.

Năm học 2024-2025, đối chiếu với Thông tư 16/2017 ngày 12/7/2017 HD danh mục khung vị trí việc làm trong các cơ sở GDPT công lập nhà trường còn thiếu 01 giáo viên dạy GDTC.

2.3 Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Hạng mục công trình	Thực trạng			
	Đơn vị tính	SL	DT (m ²)	Ghi chú
1. Khối phòng hành chính quản trị	phòng			
Phòng Hiệu trưởng	phòng	1	18	
Phòng phó HT	phòng	1	18	

Văn phòng	phòng	1	18	
Phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể	phòng	1	18	
Phòng bảo vệ	phòng	1	12	
Khu vệ sinh GV, CB, NV		1	20	
Khu để xe của GV, CB, NV		1	55	
2. Khối phòng học tập	phòng			
Phòng học	phòng	21	54	DT 1 phòng học
Phòng học bộ môn Tin học	phòng	1	48	
Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng	1	48	
Phòng học bộ môn Âm nhạc	phòng	1	48	
Phòng bộ môn Khoa học – Công nghệ	phòng	1	54	
Phòng học bộ môn Mỹ thuật	phòng	1		
Phòng đa chức năng	phòng	1		
3. Khối phòng hỗ trợ học tập				
Thư viện		1	48	Chưa đảm bảo DT
+ Kho sách		1		Ghép với phòng đọc
+ Phòng đọc HS		1	54	
+ Phòng đọc giáo viên		1	18	
Phòng thiết bị giáo dục	phòng	1	18	
Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ HSKT	phòng	1		Ghép với phòng Y tế
Phòng truyền thống	phòng	1	18	
Phòng Đội	phòng	1	18	
4. Khối phụ trợ				
Phòng họp	phòng	1	54	
Phòng y tế	phòng	1	18	
Nhà kho	phòng	1	36	
Khu để xe học sinh	khu	1	100	
Khu vệ sinh học sinh	khu	2	74	
Cổng, tường bao				
5. Khu sân chơi, TDTT				
Sân chơi	m ²	1	2700	
Bãi tập	m ²	1	1130	

Sân tập có mái che		1	450	
6. Khối phục vụ sinh hoạt				
Nhà ăn	m ²	1	82,7	
Phòng ngủ bán trú	m ²	1	86	
7. Hạ tầng kỹ thuật				
Hệ thống cấp điện		1		
Hệ thống phòng cháy, chữa cháy		1		
Hạ tầng công nghệ thông tin		1		
Khu thu gom rác thải		1		

Đồ dùng, thiết bị phục vụ hoạt động dạy học và giáo dục

STT	Tên thiết bị, đồ dùng dạy học	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú
1	Bàn ghế HS	380 bộ	Đảm bảo tiêu chuẩn	
2	Bàn ghế GV	26	Đảm bảo tiêu chuẩn	
3	Bảng lớp	26	Đảm bảo tiêu chuẩn	
4	Tủ lớp	26	Đảm bảo tiêu chuẩn	
5	Ti vi thông minh	11	Sử dụng bình thường	
6	Máy chiếu	2	1 máy đã cũ	
7	Máy vi tính	17	1 số máy chậm	
8	Loa, Âm li	2 bộ	Sử dụng bình thường	
9	Đàn	1	Sử dụng bình thường	
10	Giá vẽ	35	Sử dụng bình thường	
11	Đồ dùng dạy học	15 bộ đồ dùng dạy học theo CT 2006. 3 bộ đồ dùng lớp 1 dành cho CTGDPT 2018		

Nhà trường có đầy đủ phòng học đảm bảo 01 phòng học/ lớp, có đầy đủ các phòng học bộ môn và các phòng chức năng, bể bơi phục vụ hoạt động dạy học và giáo dục. Các phòng được trang bị tương đối đầy đủ các trang thiết bị, 100% bàn ghế học sinh đảm bảo theo quy định, thư viện hoạt động có hiệu quả.

- Thiết bị dạy học đối với lớp 1 mỗi lớp học có 01 bộ đồ dùng dạy học dùng chung và mỗi học sinh lớp 1,2,3, 4 có 01 bộ đồ dùng học sinh. Các lớp 5 sử dụng thiết bị đã cấp hiện có và bổ sung thiết bị dạy học tự làm của GV và HS.

- Các phòng học bộ môn được trang bị thiết bị dạy học tối thiểu dành cho môn học. Phòng Tin học có 15 máy tính kết nối Internet, phòng Tiếng Anh có máy tính kết nối Internet, máy chiếu.

2.5. Về tài liệu dạy học

- Đối với lớp 1,2,3, 4 nhà trường đã lựa chọn và sử dụng sách giáo khoa trong danh mục phê duyệt của Bộ GD-ĐT, của UBND tỉnh Hải Dương.

TT	TÊN SÁCH	Bộ sách	Nhà xuất bản
1.	Tiếng Việt 1,2,3,4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
2.	Toán 1,2,3,4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
3.	Đạo đức 1,2,3,4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
4.	TNXH 1,2,3,4	Cánh diều	Nhà xuất bản Đại học SP TP Hồ Chí Minh
5.	Giáo dục thể chất 1,2,3,4	Kết nối tri thức với cuộc sống (Lớp 1,2) Cánh diều (Lớp 3,4)	Nhà XBGD Việt Nam Nhà xuất bản Đại học SP TP Hồ Chí Minh
6.	Âm nhạc 1,2,3,4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
7.	Mĩ thuật 1,2,3,4	Chân trời sáng tạo	Nhà XBGD Việt Nam
8.	Hoạt động trải nghiệm 1,2,3,4	Cánh diều	Nhà xuất bản Đại học SP TP Hồ Chí Minh
9.	Tin học 3,4	Tin học 3, 4 (Tổng Chủ biên: Lê Khắc Thành)	Nhà xuất bản Đại học Vinh
10.	Công nghệ 3,4	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà XBGD Việt Nam
11.	Tài liệu GD ĐP	Sở GD&ĐT Hải Dương biên tập	
12.	Tiếng Anh 3, 4	Global Success	NXB Giáo dục VN

Đối với lớp 5, nhà trường đã sử dụng bộ sách giáo khoa theo chương trình Giáo dục phổ thông 2006 của Bộ GD&ĐT.

2.6. Đánh giá thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện chương trình

a) Thuận lợi

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Phòng Giáo dục và Đào tạo Gia Lộc, Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương

- Đảng, Chính quyền, các đoàn thể và cha mẹ học sinh thường xuyên chăm lo đến công tác giáo dục học sinh và xây dựng cơ sở vật chất nhà trường.

- Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt; thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua.

b, Khó khăn

- Tỷ lệ giáo viên độ tuổi 40 - 50 cao, việc sử dụng thiết bị dạy học hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng tư vấn của giáo viên có rất nhiều hạn chế. Nhà trường còn thiếu giáo viên dạy Giáo dục thể chất. Trang thiết bị dạy học hiện đại được bổ sung thường xuyên song chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Một số học sinh chưa biết cách tự học, chưa thực sự chăm chỉ, tích cực tham gia các nhiệm vụ học tập và rèn luyện tại trường.

II – MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023-2024

1. Mục tiêu chung

Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Đổi mới quản lý trường học, nâng cao năng lực cán bộ và giáo viên đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, bồi dưỡng cán bộ và giáo viên theo chuẩn.

Duy trì các tiêu chuẩn của trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 3, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, học sinh năng khiếu, các hoạt động trải nghiệm.

Xây dựng cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của giáo dục.

2. Chỉ tiêu cụ thể (*Chi tiêu về phẩm chất, năng lực học sinh sẽ đạt được sau khi kết thúc một năm học đối với từng khối lớp; số lượng, chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học*)

2.1 Chất lượng giáo dục

Chất lượng giáo dục	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Toàn trường	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I. Các môn học và hoạt động giáo dục												
1. Tiếng Việt	125	100	132	100	135	100	136	100	162	100	690	100.0
Hoàn thành tốt	51	40.8	67	50.8	61	45.2	55	40.4	72	44.4	306	44.35
Hoàn thành	73	58.4	65	49.2	73	54.1	80	58.8	90	55.6	381	55.22
Chưa HT	1	0.8	0	0.0	1	0.7	1	0.7	0	0.0	3	0.43
2. Toán	125	100	132	100	135	100	136	100	162	100	690	100.0
Hoàn thành tốt	72	57.6	67	50.8	62	45.9	63	46.3	83	51.2	347	50.3

Hoàn thành	52	41.6	65	49.2	72	53.3	72	52.9	79	48.8	340	49.3
Chưa HT	1	0.8	0	0.0	1	0.7	1	0.7	0	0.0	3	0.4
3. Đạo đức	125	100	132	100	135	100	136	100	162	100	690	100.0
Hoàn thành tốt	80	64.0	70	53.0	65	48.1	79	58.1	102	63.0	396	57.4
Hoàn thành	45	36.0	62	47.0	69	51.1	57	41.9	60	37.0	293	42.5
Chưa HT	0	0.0	0	0.0	1	0.7	0	0.0	0	0.0	1	0.1
4. TN và XH	125	100	132	100	135	100					392	100.0
Hoàn thành tốt	69	55.2	70	53.0	64	47.4					203	51.8
Hoàn thành	56	44.8	62	47.0	70	51.9					188	48.0
Chưa HT	0	0.0	0	0.0	1	0.7					1	0.3
5. Khoa học							136	100	162	100	298	100.0
Hoàn thành tốt							61	44.9	70	43.2	131	44.0
Hoàn thành							74	54.4	92	56.8	166	55.7
Chưa HT							1	0.7	0	0.0	1	0.3
6. LS&DL							136	100	162	100	298	100.0
Hoàn thành tốt							61	44.9	90	55.6	151	50.7
Hoàn thành							74	54.4	72	44.4	146	49.0
Chưa HT							1	0.7	0	0.0	1	0.3
7. GD thể chất	125	100	132	100	135	100	136	100	162	100	690	100.0
Hoàn thành tốt	51	40.8	70	53.0	62	45.9	64	47.1	77	47.5	324	47.0
Hoàn thành	74	59.2	62	47.0	72	53.3	72	52.9	85	52.5	365	52.9
Chưa HT	0	0.0	0	0.0	1	0.7	0	0.0	0	0.0	1	0.1
8. Âm nhạc	125	100	132	100	135	100	136	100	162	100	690	100.0
Hoàn thành tốt	51	40.8	70	53.0	62	45.9	53	39.0	61	37.7	297	43.0
Hoàn thành	74	59.2	62	47.0	72	53.3	82	60.3	101	62.3	391	56.7
Chưa HT	0	0.0	0	0.0	1	0.7	1	0.7	0	0.0	2	0.3
9. Mĩ thuật	125	100	132	100	135	100	136	100	162	100	690	100.0
Hoàn thành tốt	51	40.8	70	53.0	62	45.9	53	39.0	70	43.2	306	44.3
Hoàn thành	74	59.2	62	47.0	72	53.3	82	60.3	92	56.8	382	55.4
Chưa HT	0	0.0	0	0.0	1	0.7	1	0.7	0	0.0	2	0.3
10. Kĩ thuật									162	100	162	100.0
Hoàn thành tốt									102	63.0	102	63.0
Hoàn thành									60	37.0	60	37.0
Chưa HT									0	0.0	0	0.0
11. Tiếng Anh	125	100	132	100	135	100	136	100	162	100	690	100.0

Hoàn thành tốt	55	44.0	73	55.3	63	46.7	59	43.4	84	51.9	334	48.4	
Hoàn thành	70	56.0	59	44.7	71	52.6	76	55.9	78	48.1	354	51.3	
Chưa HT	1	0.8	0	0.0	1	0.7	1	0.7	0	0.0	3	0.4	
12. Tin học					135	100	136	100	162	100	433	100.0	
Hoàn thành tốt					63	46.7	61	44.9	76	46.9	200	46.2	
Hoàn thành					71	52.6	74	54.4	86	53.1	231	53.3	
Chưa HT					1	0.7	1	0.7	0	0.0	2	0.5	
13. Công nghệ					135	100	136	100			271	100.0	
Hoàn thành tốt					63	46.7	61	44.9			124	45.8	
Hoàn thành					71	52.6	74	54.4			145	53.5	
Chưa HT					1	0.7	1	0.7			2	0.7	
14. HĐ TN	125	100	132	100	135	100	136	100			528	100.0	
Hoàn thành tốt	75	60.0	72	54.5	65	48.1	61	44.9			273	51.7	
Hoàn thành	50	40.0	60	45.5	69	51.1	74	54.4			253	47.9	
Chưa HT	0	0.0	0	0.0	1	0.7	1	0.7			2	0.4	
II. Phẩm chất chủ yếu													
1. Lớp 1,2, 3, 4													
		125	100	132	100	135	100	136	100			528	100.0
Yêu nước	Tốt	103	82.4	132	100	135	100	136	100			506	95.8
	Đạt	22	17.6	0	0	0	0	0	0			22	4.2
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0.0
Nhân ái		125	100	132	100	135	100	136	100			528	100.0
	Tốt	103	82.4	132	100	135	100	136	100			506	95.8
	Đạt	22	17.6	0	0	0	0	0	0			22	4.2
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0.0
Chăm chỉ		125	100	132	100	135	100	136	100			528	100.0
	Tốt	82	65.6	86	65.2	98	72.6	86	63.2			352	66.7
	Đạt	43	34.4	46	34.8	36	26.7	50	36.8			175	33.1
	CCG	0	0	0	0.0	1	0.7	0	0.0			1	0.2
Trung thực		125	100	132	100	135	100	136	100			528	100.0
	Tốt	92	73.6	111	84.1	102	75.6	105	77.2			410	77.7
	Đạt	33	26.4	21	15.9	32	23.7	31	22.8			117	22.2
	CCG	0	0	0	0.0	1	0.7	0	0.0			1	0.2
Trách nhiệm		125	100	132	100	135	100	136	100			528	100.0
	Tốt	92	73.6	92	69.7	102	75.6	80	58.8			366	69.3

	Đạt	33	26.4	40	30.3	32	23.7	56	41.2			161	30.5		
	CCG	0	0	0	0.0	1	0.7	0	0.0			1	0.2		
2. Lớp 5															
Chăm học, chăm làm												162	100	162	100.0
	Tốt											115	71.0	115	71.0
	Đạt											47	29.0	47	29.0
	CCG											0	0.0	0	0.0
Tự tin, trách nhiệm												162	100	162	100.0
	Tốt											102	63.0	102	63.0
	Đạt											60	37.0	60	37.0
	CCG											0	0.0	0	0.0
Trung thực, kỉ luật;												162	100	162	100.0
	Tốt											133	82.1	133	82.1
	Đạt											29	17.9	29	17.9
	CCG											0	0.0	0	0.0
Đoàn kết, yêu thương												162	100	162	100.0
	Tốt											131	80.9	131	80.9
	Đạt											31	19.1	31	19.1
	CCG											0	0.0	0	0.0
III. Năng lực															
1. Lớp 1,2, 3, 4															
1.1 Năng lực chung															
Tự chủ và tự học		125	100	132	100	135	100	136	100			528	100.0		
	Tốt	52	41.6	87	65.9	91	67.4	85	62.5			315	59.7		
	Đạt	72	57.6	45	34.1	43	31.9	50	36.8			210	39.8		
	CCG	1	0.8	0	0	1	0.7	1	0.7			3	0.6		
Giao tiếp và hợp tác		125	100	132	100	135	100	136	100			528	100.0		
	Tốt	52	41.6	87	65.9	87	64.4	85	62.5			311	58.9		
	Đạt	72	57.6	45	34.1	47	34.8	51	37.5			215	40.7		
	CCG	1	0.8	0	0.0	1	0.7	0	0.0			2	0.4		
Giải quyết vấn đề và sáng tạo		125	100	132	100	135	100	136	100			528	100.0		
	Tốt	52	41.6	92	69.7	62	45.9	60	44.1			266	50.4		
	Đạt	72	57.6	40	30.3	72	53.3	75	55.1			259	49.1		
	CCG	1	0.8	0	0	1	0.7	1	0.7			3	0.6		
1.2. Năng lực đặc thù															

Ngôn ngữ		125	100	132	100	135	100	136	100			528	100.0
	Tốt	52	41.6	75	56.8	64	47.4	57	41.9			248	47.0
	Đạt	72	57.6	57	43.2	70	51.9	78	57.4			277	52.5
	CCG	1	0.8	0	0.0	1	0.7	1	0.7			3	0.6
Tính toán		125	100	132	100	135	100	136	100			528	100.0
	Tốt	73	58.4	70	53.0	64	47.4	63	46.3			270	51.1
	Đạt	51	40.8	62	47.0	70	51.9	72	52.9			255	48.3
	CCG	1	0.8	0	0.0	1	0.7	1	0.7			3	0.6
Công nghệ						135	100	136	100			271	100.0
	Tốt					62	45.9	62	45.6			124	45.8
	Đạt					72	53.3	73	53.7			145	53.5
	CCG					1	0.7	1	0.7			2	0.7
Khoa học		125	100	132	100	135	100	136	100			528	100.0
	Tốt	72	57.6	74	56.1	62	45.9	70	51.5			278	52.7
	Đạt	52	41.6	58	43.9	72	53.3	65	47.8			247	46.8
	CCG	1	0.8	0	0.0	1	0.7	1	0.7			3	0.6
Thâm mĩ		125	100	132	100	135	100	136	100			528	100.0
	Tốt	52	41.6	77	58.3	64	47.4	69	50.7			262	49.6
	Đạt	72	57.6	55	41.7	70	51.9	66	48.5			263	49.8
	CCG	1	0.8	0	0.0	1	0.7	1	0.7			3	0.6
Tin học						135	100	136	100			271	100.0
	Tốt					64	47.4	63	46.3			127	46.9
	Đạt					70	51.9	72	52.9			142	52.4
	CCG					1	0.7	1	0.7			2	0.7
Thế chất		125	100	132	100	135	100	136	100			528	100.0
	Tốt	52	41.6	70	53.0	62	45.9	69	50.7			253	47.9
	Đạt	72	57.6	62	47.0	72	53.3	67	49.3			273	51.7
	CCG	1	0.8	0	0.0	1	0.7	0	0.0			2	0.4
2. Lớp 5													
Tự phục vụ, tự quản												162	100
	Tốt											122	75.3
	Đạt											40	24.7
	CCG											0	0.0
Hợp tác												162	100
	Tốt											89	54.9

	Đạt									73	45.1	73	45.1
	CCG									0	0.0	0	0.0
Tự học và giải quyết vấn đề										162	100	162	100.0
	Tốt									71	43.8	71	43.8
	Đạt									91	56.2	91	56.2
	CCG									0	0.0	0	0.0
IV. Xếp loại GD													
Lớp 1,2,3,4	125	100	132	100	135	100	136	100				528	100.0
HT xuất sắc	38	30.4	58	43.9	51	37.8	48	35.3				195	36.9
HT tốt	14	11.2	12	9.1	11	8.1	19	14.0				56	10.6
Hoàn thành	72	57.6	62	47.0	72	53.3	63	46.3				269	50.9
Chưa HT	1	0.8	0	0.0	1	0.7	1	0.7				3	0.6
IV. Khen thưởng													
Lớp 1,2,3,4	125	100	132	100	135	100	136	100				528	100.0
HS Xuất sắc	38	30.4	58	43.9	51	37.8	48	35.3				195	36.9
HS Tiêu biểu	14	11.2	12	9.1	11	8.1	19	14.0				56	10.6
Lớp 4,5										162	100	162	100.0
HS HTXS nội dung HT&RL										54	33.3	54	33.3
HS có thành tích vượt trội										43	26.5	43	26.5
V. Hoàn thành chương trình lớp học, HTCT tiểu học													
	125	100	132	100	135	100	136	100	162	100	690	100	100
Hoàn thành	124	99.2	132	100	134	99.3	136	100	162	100	688	99.7	99.7
Chưa HT	1	0.8	0	0	1	0.7	0	0	0	0	2	0.29	0.29

2.2 Các hoạt động giáo dục khác

- 100% học sinh được tham gia các hoạt động: văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động tập thể, ngoài giờ lên lớp, được chăm sóc sức khỏe ban đầu và được đánh giá xếp loại thể lực từ Đạt trở lên trong đó 90% học sinh xếp loại Khá và Tốt.

- 100% học sinh có thói quen đọc sách và được tư vấn tâm lý.

- Có học sinh tham gia cuộc thi, giao lưu trên mạng các cấp và đạt giải.

- Tham gia 100% các cuộc thi do các cấp phát động.

- 100% học sinh thực hiện đúng Luật Giao thông.

III. TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII
1. Môn học /hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	TV	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	280	144	136
2	T	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	ĐĐ	35	19	16	35	19	16	35	18	17	35	19	16	35	19	16
4	TN&XH	70	38	32	70	38	32	70	38	32						
5	KH										70	38	32	70	38	32
6	LS&DL										70	38	32	70	38	32
7	GDTC	70	38	32	70	37	33	70	37	33	70	37	33	70	37	33
8	ÂN	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	19	16	35	18	17
9	MT	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
10	Tin học							35	19	16	35	18	17			
11	Công nghệ							35	19	16	35	18	17			
12	Tiếng Anh							140	74	66	140	74	66			
13	KT													35	19	16
14	HĐTN	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51			
15	GDTT													70	37	33
Tổng		875	455	420	875	454	421	980	511	469	1050	549	501	875	458	417
2. Môn học tự chọn																
1	Tiếng Anh	70	38	32	70	38	32							140	74	66
2	Tin học													70	37	33
Tổng		70	38	32	70	38	32	0	0	0	0	0	0	210	111	99
3. HĐ củng cố, tăng cường																
1	TV tăng	127	71	56	96	52	44	96	52	44	62	35	27	34	20	14
2	T tăng	65	36	29	63	34	29	64	34	30	57	31	26	35	19	16
3	MT tăng	0			35	19	16									
4	HĐTN t	32	16	16	27	15	12	26	15	11						
5	GDKNS	35	18	17	35	19	16	35	19	16	35	19	16	35	18	17
6	HĐGD (lớp)				3	3	0	3	3	0				15	8	7
Tổng		259	141	118	259	142	117	224	123	101	154	85	69	119	65	54
4. HĐ chung toàn trường																
		21	10	11	21	10	11	21	10	11	21	10	11	21	10	11
Tổng chung		1225	644	581	1225	644	581	1225	644	581	1225	644	581	1225	644	581

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9/2023	Chào mừng năm học mới	Khai giảng năm học mới	Tập trung	5/9/2023	Toàn trường	CMHS
		Vui Tết Trung thu	Tập trung	22/9/2023	Toàn trường	CMHS
Tháng 11/2023	Yêu quý thầy cô giáo	Liên hoan văn nghệ	Tập trung	Tuần 11 và ngày 20/11	Toàn trường	CMHS
Tháng 12/2023	Uống nước nhớ nguồn	Chào mừng 22/12 và Hội khỏe Phù Đổng	Tập trung	22/12/2023	Toàn trường	CMHS + Hội CCB
Tháng 01/2024	Giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc.	Trải nghiệm món ăn ngày Tết	Theo lớp	2/2/2024	GVCN, HS	CMHS
Tháng 3/2024	Thiếu nhi vui – khỏe	Tổ chức HĐTN: Nói lời yêu thương	Tập trung	6/3/2024	Toàn trường	Hội PN xã
		Ngày hội TN vui khỏe	Tập trung	26/03/2024	Toàn trường	CMHS, Đoàn TN xã
Tháng 4/2024	Ngày hội non sông	Thi tìm hiểu về Sách thiếu nhi	Tập trung	19/4/2024	Toàn trường	CMHS
Tháng 5/2024	Bác Hồ kính yêu	Thi kể chuyện đạo đức Bác Hồ	Tập trung	13/5/2024	Toàn trường	Công chức VH xã

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/ quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Sinh hoạt đầu giờ	Kiểm tra sĩ số, truy bài	Theo lớp	7h - 7 h15'	Tại lớp	HS tự quản, TPT, GVTB theo dõi

2	Hoạt động giữa buổi học	Tập thể dục, múa hát, nhảy dân vũ..	Toàn trường	Vào giờ ra chơi giữa buổi sáng	Tại sân trường	
3	Bán trú	Vệ sinh cá nhân	HS bán trú	10h30' - 11h'	Khu vệ sinh	
		Ăn trưa	HS bán trú	11h – 11h45'	Nhà ăn	
		Nghỉ ngơi sau ăn	HS bán trú	11h45' – 12h	Phòng ngủ	
		Ngủ trưa	HS bán trú	12h – 13 h15'	Phòng ngủ	
		Vui chơi, đọc sách...	HS bán trú	13h15' - 13h45	Thư viện thân thiện	
4	Sinh hoạt đầu giờ	Kiểm tra sĩ số, truy bài	Theo lớp	13 h45' - 14h	Tại lớp	HS tự quản, TPT, GVTB theo dõi
5	Sinh hoạt câu lạc bộ	Tập thể dục thể thao, múa, hát, nhảy, rèn kỹ năng Tiếng Anh, Tin học...	Theo nhóm	16h20 – 17h20	Sân trường, nhà tập, phòng học bộ môn	

3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2023-2024 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

3.1 Kế hoạch thời gian năm học 2024 – 2024

Thực hiện theo Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2023 – 2024. Cụ thể đối với cấp tiểu học:

Ngày tựu trường: 21/8/2023 (đối với khối lớp 1); 28/8/2023 (lớp 2,3,4,5).

Ngày khai giảng: 5/9/2023

Học kỳ 1: Từ ngày 5/9/2023 đến ngày 12/01/2024.

Học kỳ 2: Từ ngày 15/01/2024 đến ngày 24/5/2024

Ngày kết thúc năm học: 31/5/2024

Xét hoàn thành chương trình Tiểu học trước ngày 30/6/2024

Hoàn thành tuyển sinh lớp 1 năm học 2024-2025 trước ngày 24/7/2024

Thời gian thực hiện chương trình cụ thể từng tuần như sau:

HK	Tháng	Tuần	Ngày trong tuần	Số buổi học	Ghi chú
	9 /2023	1	5/9 - 10/9/2023	8 buổi	

Học kỳ I		2	11/9 - 17/9	10 buổi	
		3	18/9 - 24/9	10 buổi	
		4	25/9 - 1/10	10 buổi	
	10 /2023	5	2/10 - 8/10	10 buổi	
		6	9/10 - 15/10	10 buổi	
		7	16/10 - 22/10	10 buổi	
		8	23/10 - 29/10	10 buổi	
	11 /2023	9	31/10 - 5/11	10 buổi	
		10	6/11 - 12/11	10 buổi	
		11	13/11 - 19/11	10 buổi	
		12	20/11 - 26/11	10 buổi	
		13	27/11 - 03/12	10 buổi	
	12 /2023	14	4/12 - 10/12	10 buổi	
		15	11/12 - 17/12	10 buổi	
		16	18/12 - 24/12	10 buổi	
		17	25/12 - 31/12	10 buổi	
	1 /2024	18	01/01- 07/01	8 buổi	Nghỉ Tết DL 1 ngày
Đệm 1		08/01 - 14/01	8 buổi	Học bù CT 2 ngày HK1 và 2 ngày HK2	
19		15/01 - 21/01	10 buổi		
2 /2024	20	22/01 - 28/01	10 buổi		
	21	29/01 - 04/02	10 buổi		
		05/02 - 11/02		Dự kiến nghỉ Tết ÂL từ 5/2 đến hết 11/2	
3 /2024	22	12/02 - 18/02	6 buổi		
	23	19/02 - 25/02	10 buổi		
	24	26/02 - 03/3	10 buổi		
	25	04/3- 10/3	10 buổi		
	26	11/3 - 17/3	10 buổi		
4 /2024	27	18/3 - 24/3	10 buổi		
	28	25/3 - 31/3	10 buổi		
	29	01/4 - 07/4	10 buổi		
	30	8/4 - 14/4	10 buổi		
5 /2024	31	15/4 - 21/4	8 buổi	Nghỉ ngày Giỗ Tổ	
	32	22/4 - 28/4	10 buổi		
	33	29/4 - 5/5	6 buổi	Nghỉ ngày 30/4 và 1/5	
	34	6/5 - 12/5	10 buổi		
	35	13/5 - 19/5	10 buổi		
Học kỳ II	Đệm 2	20/5 - 26/5	6 buổi	Học bù CT HK 2	
		27/5 - 31/5		Làm hồ sơ và TK năm học	

3.2 Số lượng tiết học và Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

3.2.1 Lớp 1:

a) Số lượng tiết học

TT	Nội dung	SL tiết học	Chi chú
1	Tiếng Việt	420	
2	Toán	105	
3	Đạo đức	35	
4	Tự nhiên và Xã hội	70	
5	Giáo dục thể chất	70	
6	Âm nhạc	35	
7	Mĩ thuật	35	
8	Hoạt động trải nghiệm	105	
9	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	70	
10	Hoạt động củng cố tăng cường	259	
11	+ Tiếng Việt tăng	127	
12	+ Toán tăng	65	
13	+ HĐTN tăng cường	32	
14	+ GDKN sống	35	
15	Hoạt động GD tập thể toàn trường	21	(không tính SH dưới cờ)
16	Hoạt động theo nhu cầu người học		Ngoài giờ học
17	Sinh hoạt chuyên môn		Ngoài giờ học, vào tuần chẵn
18	Các ngày nghỉ trong năm		1/1/2024, 10/3 ÂL, 30/4, 1/5
19	Tổng số tiết học kỳ I	644	
20	Tổng số tiết học kỳ II	581	
21	Tổng số tiết cả năm học	1225	

(có phụ lục Kế hoạch số tiết các môn học và HĐGD theo tuần)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 *(có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh và Hoạt động trải nghiệm kèm theo).*

3.2.2 Lớp 2:

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục

TT	Nội dung	SL tiết học	Chi chú
1	Tiếng Việt	350	
2	Toán	175	
3	Đạo đức	35	
4	Tự nhiên và Xã hội	70	
5	Giáo dục thể chất	70	
6	Âm nhạc	35	
7	Mĩ thuật	35	
8	Hoạt động trải nghiệm	105	
9	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	70	
10	Hoạt động củng cố tăng cường	259	
11	+ Tiếng Việt tăng	96	
12	+ Toán tăng	63	
13	+ Mĩ thuật tăng	35	
14	+ HĐTN tăng cường	27	
15	+ GDKN sống	35	
16	Hoạt động GDDT toàn trường	21	(không tính SH dưới cờ)
17	Hoạt động theo nhu cầu người học		Ngoài giờ học
18	Sinh hoạt chuyên môn		Ngoài giờ học, vào tuần chẵn
19	Các ngày nghỉ trong năm		1/1/2024, 10/3/2023 ÂL, 30/4,1/5
20	Tổng số tiết học kỳ I	644	
21	Tổng số tiết học kỳ II	581	
22	Tổng số tiết cả năm học	1225	

(có phụ lục Kế hoạch số tiết các môn học và HĐGD theo tuần)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2 (có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh và Hoạt động trải nghiệm kèm theo)

3.2.3 Lớp 3

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục

TT	Nội dung	SL tiết học	Chi chú
1	Tiếng Việt	245	
2	Toán	175	
3	Đạo đức	35	
4	Tự nhiên và Xã hội	70	
5	Giáo dục thể chất	70	
6	Âm nhạc	35	
7	Mĩ thuật	35	
8	Tin học	35	
9	Công nghệ	35	
10	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	140	
11	Hoạt động trải nghiệm	105	
12	Hoạt động củng cố tăng cường	224	
13	+ Tiếng Việt tăng	96	
14	+ Toán tăng	64	
15	+ HĐTN tăng cường	26	
16	+ GDKN sống	35	
17	Hoạt động GD tập thể toàn trường	21	(không tính SH dưới cờ)
18	Hoạt động theo nhu cầu người học		Ngoài giờ học
19	Sinh hoạt chuyên môn		Ngoài giờ học, vào tuần chẵn
20	Các ngày nghỉ trong năm		1/1/2024, 10/3 ÂL, 30/4, 1/5
21	Tổng số tiết học kỳ I	644	
22	Tổng số tiết học kỳ II	581	
23	Tổng số tiết cả năm học	1225	

(có phụ lục Kế hoạch số tiết các môn học và HĐGD theo tuần)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3 *(có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ và Hoạt động trải nghiệm kèm theo)*

3.2.4 Lớp 4

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục

TT	Nội dung	SL tiết học	Chi chú
1	Tiếng Việt	245	
2	Toán	175	
3	Đạo đức	35	
4	Khoa học	70	
5	Lịch sử và Địa lý	70	
6	Thể dục	70	
7	Âm nhạc	35	
8	Mĩ thuật	35	
9	Công nghệ	35	
10	Tin học	35	
11	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	140	
12	Hoạt động trải nghiệm	105	
13	Hoạt động củng cố tăng cường	154	
14	+ Tiếng Việt tăng	62	
15	+ Toán tăng	57	
16	+ GDKN sống	35	
18	Hoạt động GD tập thể toàn trường	21	(không tính SH dưới cờ)
19	Hoạt động theo nhu cầu người học		Ngoài giờ học
20	Sinh hoạt chuyên môn		Ngoài giờ học, vào tuần chẵn
21	Các ngày nghỉ trong năm		1/1/2024, 10/3 ÂL, 30/4, 1/5
22	Tổng số tiết học kỳ I	644	
23	Tổng số tiết học kỳ II	581	
24	Tổng số tiết cả năm học	1225	

(có phụ lục Kế hoạch số tiết các môn học và HĐGD theo tuần)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4 *(có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ và hoạt động TN kèm theo)*.

3.2.5 Lớp 5:

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục

TT	Nội dung	SL tiết học	Chi chú
1	Tiếng Việt	280	
2	Toán	175	
3	Đạo đức	35	
4	Khoa học	70	
5	Lịch sử và Địa lý	70	
6	Thể dục	70	
7	Âm nhạc	35	
8	Mĩ thuật	35	
9	Kĩ thuật	35	
10	Tin học	70	
11	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	140	
12	Giáo dục tập thể	70	
13	Hoạt động củng cố tăng cường	119	
14	+ Tiếng Việt tăng	34	
15	+ Toán tăng	35	
16	+ HĐGD tăng cường & GDKN sống	50	
17	Hoạt động GD tập thể toàn trường	21	(không tính SH dưới cờ)
18	Hoạt động theo nhu cầu người học		Ngoài giờ học
19	Sinh hoạt chuyên môn		Ngoài giờ học, vào tuần chẵn
20	Các ngày nghỉ trong năm		1/1/2024, 10/3 ÂL, 30/4, 1/5
21	Tổng số tiết học kỳ I	644	
22	Tổng số tiết học kỳ II	581	
23	Tổng số tiết cả năm học	1225	

(có phụ lục Kế hoạch số tiết các môn học và HĐGD theo tuần)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5 *(có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Âm nhạc, Mỹ thuật, Kĩ thuật, Tiếng Anh, Tin học và hoạt động giáo dục theo lớp kèm theo)*.

3.3 Kế hoạch tổ chức các tiết Hoạt động trải nghiệm sinh hoạt dưới cờ

Phần 1: Nghi lễ, hành chính

Phần 2: Hoạt động kết nối HS toàn trường theo chủ đề:

Tuần	Chủ đề	Hoạt động	Người tổ chức và thực hiện
1	Ngày hội đến trường	Chào mừng năm học mới : Biểu diễn văn nghệ	Phụ trách Đội + Đội văn nghệ nhà trường (TPT)
2	Cổng trường an toàn	- Tiểu phẩm: “Sau giờ tan học” - Câu hỏi trao đổi về An toàn giao thông	- GVCN và HS khối lớp 3 - Cô Hương
3	Lớp học thân thiện	- Văn nghệ: Lớp chúng ta đoàn kết - Bài tuyên truyền Lớp học thân thiện	- GVCN và HS Khối lớp 2 - Cô Huyền PTĐ
4	Vui tết Trung thu	- Văn nghệ - Tìm hiểu về ngày tết Trung thu	- GVCN và HS khối lớp 5 - TPT
5	Tìm hiểu tài năng nhí	- Phát động và phổ biến nội dung Tìm kiếm tài năng nhí	- TPT
6	Tìm kiếm tài năng nhí	- Đại diện các lớp biểu diễn Tìm kiếm tài năng nhí	- GVCN và HS các lớp
7	Cô và mẹ	- Văn nghệ - Nghe câu chuyện về tấm gương phụ nữ Việt Nam tiêu biểu	- GVCN và HS Khối lớp 2 - GVCN và HS khối lớp 3
8	Gặp gỡ chuyên gia tư vấn tâm lý	- Giao lưu cùng chuyên gia tư vấn tâm lý	- Cô Nhung
9	Chăm sóc cây xanh	- Dân vũ trên nền nhạc bài “Chiến binh xanh” - Phát động phong trào chăm sóc cây xanh	- Cô Lỗi và toàn trường - TPT và các lớp
10	Giao lưu với người làm vườn	- Tiểu phẩm “Ngày hôm qua của em” - Nghe chia sẻ về công việc làm vườn	- GVCN và HS khối lớp 4 - Khách mời: Ông Đỗ Văn Thực – Chủ vườn cây thôn Phương Bằng
11	Tri ân thầy cô	- Văn nghệ - Phát động phong trào thi đua chào mừng 20/11	- GVCN và HS khối lớp 5 - TPT
12	Chào mừng Ngày Nhà giáo VN	- Văn nghệ - Nói lời tri ân	- GVCN và HS khối lớp 1 - GVCN và HS khối lớp 5

13	Nói lời hay, làm việc tốt	<ul style="list-style-type: none"> - Tiểu phẩm “Ứng xử văn hóa nơi công cộng” - Chia sẻ bài học rút ra từ tiểu phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> - GVCN và HS khối lớp 4 - TPT
14	Nói lời hay, làm việc tốt	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các lớp kể chuyện về tấm gương người tốt việc tốt quanh em 	<ul style="list-style-type: none"> - TPT, GVCN các lớp
15	Tiếp nối truyền thống quê hương	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về truyền thống quê hương - Phát động phong trào thi đua Chào mừng 22/12 	<ul style="list-style-type: none"> - Cô Quang - TPT
16	Truyền thống quê hương	<ul style="list-style-type: none"> - Văn nghệ: Hát về chú bộ đội - Quyên góp quà tặng học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong trường 	<ul style="list-style-type: none"> - GVCN và HS khối lớp 5 - GVCN và HS các lớp
17	Nghề em yêu thích	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về nghề nghiệp trong cuộc sống và địa phương - Phát động sưu tầm thơ, bài hát, câu chuyện, tranh ảnh về nghề nghiệp em yêu thích 	<ul style="list-style-type: none"> - Cô Hằng - TPT, nhân viên TV-TB
18	Nghề em yêu thích	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia biểu diễn văn nghệ, đọc thơ, kể chuyện về chủ đề nghề nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - GVCN và HS các lớp
19	Người tiêu dùng thông minh	<ul style="list-style-type: none"> - Văn nghệ: Con heo đất - Phát động phong trào “Nuôi heo đất tiết kiệm” 	<ul style="list-style-type: none"> - GVCN và HS khối lớp 2 - TPT
20	Mùa xuân trên quê hương	<ul style="list-style-type: none"> - Văn nghệ: Chủ đề mùa xuân - Tiểu phẩm: “Người tiêu dùng thông minh” - Chia sẻ cảm xúc sau khi xem tiểu phẩm 	<ul style="list-style-type: none"> - GVCN và HS khối lớp 5 - GVCN và HS khối lớp 4 - TPT
21	Em yêu quê hương	<ul style="list-style-type: none"> - Văn nghệ: Quê hương đất nước - Giới thiệu về cảnh đẹp của quê hương 	<ul style="list-style-type: none"> - GVCN và HS khối lớp 3 - GVCN và HS khối 2, 4
22	Em yêu quê hương	<ul style="list-style-type: none"> - Tiểu phẩm “Chung tay bảo vệ cảnh quan quê hương” - Chia sẻ những việc làm bảo vệ cảnh quan quê hương 	<ul style="list-style-type: none"> - GVCN và HS khối lớp 3 - TPT
23	Chung tay bảo vệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Văn nghệ : Chúng em yêu cây xanh - Phát động phong trào bảo vệ môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - Khối lớp 1 - TPT

24	Chung tay bảo vệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Văn nghệ: Chủ đề môi trường - Đọc thơ về chủ đề môi trường - Tiểu phẩm về chủ đề môi trường 	<ul style="list-style-type: none"> - GVCN và HS khối lớp 2 - HS khối lớp 3 - GVCN và HS khối lớp 4
25	Gia đình yêu thương	<ul style="list-style-type: none"> - Văn nghệ: Chủ đề Mẹ và cô - Phát động biểu diễn văn nghệ chào mừng 8/3 	<ul style="list-style-type: none"> - GVCN và HS khối lớp 1 - TPT
26	Gia đình yêu thương	<ul style="list-style-type: none"> - Tiểu phẩm “Mẹ yêu quý” - Đại diện các lớp tham gia biểu diễn văn nghệ về mẹ và cô 	<ul style="list-style-type: none"> - GVCN và HS khối lớp 4 - HS các khối lớp
27	Chúng em làm kế hoạch nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> - Văn nghệ: Em làm kế hoạch nhỏ - Phát động phong trào “Chúng em làm kế hoạch nhỏ” 	<ul style="list-style-type: none"> - GVCN và HS khối lớp 5 - TPT
28	Giao lưu với cha mẹ học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Văn nghệ : Mẹ yêu - Nghe đại diện cha mẹ học sinh trò chuyện về chủ đề Cùng nhau làm việc nhà - Phát động hưởng ứng sự kiện “Giờ trái đất” 	<ul style="list-style-type: none"> - GVCN và HS khối lớp 5 - PHHS lớp 5A - TPT
29	Tình bạn	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu diễn văn nghệ về chủ đề tình bạn - Phát động phong trào: Kết nối vòng tay bạn bè 	<ul style="list-style-type: none"> - GVCN và HS khối 4 - TPT
30	Tình bạn	<ul style="list-style-type: none"> - Tiểu phẩm: “Những người bạn của em” - Chia sẻ cảm nghĩ về tiểu phẩm vừa xem 	<ul style="list-style-type: none"> - GVCN và HS khối 4 - TPT
31	Tình bạn	<ul style="list-style-type: none"> - Tiểu phẩm:” Thừa cô, chúng em đã hiểu”. - Chia sẻ cảm nghĩ về tiểu phẩm vừa xem 	<ul style="list-style-type: none"> - GVCN và HS khối 5 - TPT
32	Tình bạn	<ul style="list-style-type: none"> - Kể chuyện: Chủ đề Tình bạn - Chia sẻ cảm nghĩ về câu chuyện vừa nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - GVCN và HS khối 3 - TPT

IV- GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tích cực tham mưu với Đảng ủy, HĐND, UBND xã đầu tư, tu bổ cơ sở vật chất cho nhà trường.

- Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục bổ sung trang thiết bị dạy học cho nhà trường đáp ứng cho việc dạy và học đạt hiệu quả hơn.
- Tuyên truyền, tập huấn cho đội ngũ sử dụng thiết bị dạy học phù hợp và hiệu quả trong mỗi môn học đặc biệt là ứng dụng CNTT.
- Tăng cường công tác quản lý, đôn đốc, kiểm tra, nhắc nhở GV, NV, HS có trách nhiệm sử dụng và bảo quản trang thiết bị CSVC nhà trường.

2. Thực hiện công tác đội ngũ

- Phân công nhiệm vụ cho CBGV, NV theo đúng năng lực, sở trường.
- Xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng phù hợp, lựa chọn đội ngũ giáo viên cốt cán, giáo viên dạy lớp 4 năm học 2024-2024 đảm bảo số lượng và chất lượng để bồi dưỡng, chuẩn bị tương tự đối với giáo viên lớp 5 cho năm học tới.
- Tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, động viên giáo viên tự học, tự bồi dưỡng.
- Tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, nhân rộng các tiết dạy có chất lượng, lựa chọn các tiết dạy có chất lượng để giáo viên chia sẻ học tập, nâng cao chuyên môn.
- Động viên giáo viên viết sáng kiến, có sáng kiến phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở, cấp tỉnh.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Tiếp tục thực hiện đổi mới nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn: nội dung sinh hoạt chuyên môn phải thể hiện rõ trong các nghị quyết họp tổ, nhóm. Thực hiện sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn 2 tuần/ lần;
- Tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn thông qua dự giờ, nghiên cứu bài học theo công văn 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ GDĐT. Tổ nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch, đề xuất biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn nghiệp vụ khi thực hiện Chương trình, sách giáo khoa mới.
- Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung giải quyết các vấn đề: Dạy học phát triển năng lực; nghiên cứu bài học; dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm trong tổ; triển khai các nội dung chuyên môn mới; tổ chức các chuyên đề đi sâu đổi mới phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học, dạy học tích hợp, dạy học STEM. Mỗi tổ chuyên môn thực hiện tối thiểu 02 chuyên đề/năm học. Vận dụng các chuyên đề này một cách thiết thực nhằm đẩy mạnh chất lượng giảng dạy trong nhà trường.

4. Chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

4.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

- Chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07/6/2021. Cụ thể:

+ Xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả, phù hợp với hoàn cảnh thực tế của địa phương, của nhà trường; đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch thời gian năm học. Tổ chức dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, môn tự chọn đảm bảo tổng số tiết/năm học được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, bố trí thời gian thực hiện chương trình đảm bảo tính khoa học, sư phạm không gây áp lực đối với học sinh. Linh hoạt trong tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối tượng học sinh. Tạo điều kiện cho học sinh được trải nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học, phát huy năng lực đã đạt được áp dụng vào thực tiễn.

+ Xây dựng kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục đảm bảo mỗi giáo viên nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục và nội dung bài học, chủ đề học tập được thiết kế trong sách giáo khoa, đặc điểm địa phương, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, đối tượng học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy, đề xuất nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, tích hợp, ..., xây dựng phân phối chương trình dạy học linh hoạt, phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện dạy học, đảm bảo các yêu cầu cần đạt của chương trình

- Chú trọng giáo dục đạo đức lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh. Tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, rèn kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn phù hợp điều kiện nhà trường, địa phương và khả năng của học sinh.

- Tổ chức thực hiện lựa chọn sách giáo khoa lớp 5 theo quy định tại Thông tư 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông

4.2. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1,2,3,4

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 với lớp 1,2,3, 4 theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn, cụ thể:

+ Đảm bảo 1 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp đảm bảo theo quy định tại Điều lệ Trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; đảm bảo tỉ lệ giáo viên/lớp và cơ cấu giáo viên dạy đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định.

+ Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc theo quy định của chương trình gồm Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, TNXH, Âm nhạc, Mỹ thuật, GDTC, HĐTN; môn tự chọn: Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh), tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống địa phương.

+ Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút. Kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho

học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học. Sắp xếp thời khóa biểu một cách khoa học, đảm bảo tỉ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

+ Tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày là hoạt động theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà. Căn cứ vào nhu cầu của học sinh, nhà trường tổ chức hoạt động dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ, sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường để học sinh vui chơi, giải trí sau giờ học, đảm bảo an toàn, hiệu quả.

4.3. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2006 lớp 5

Trên cơ sở Chương trình GDPT 2006, nhà trường chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 4,5 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh để chủ động tiếp cận với Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ Thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng học sinh, từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh trên nguyên tắc đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng, phù hợp điều kiện thực tế. Rà soát tinh giản nội dung chồng chéo, trùng lặp giữa các môn học, khối lớp, các nội dung quá khó không phù hợp với học sinh tiểu học. sắp xếp, điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp với học sinh, không cắt xén cơ học mà tập trung đổi mới phương pháp, hình thức sao cho nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả, phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh.

+ Chú trọng giáo dục đạo đức lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh. Tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, rèn kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn phù hợp điều kiện nhà trường, địa phương và khả năng của học sinh.

+ Tổ chức cho học sinh lớp 5 chuẩn bị học lớp 6 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo hướng dẫn tại công văn số 3799/BGDĐT-GDTH ngày 01/9/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.4. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học và tổ chức triển khai các nội dung giáo dục tích hợp

- Chủ động thực hiện các giải pháp công nghệ thông tin, dạy học trực tuyến đảm bảo các điều kiện theo quy định, phù hợp với điều kiện thực tế, năng lực giáo viên, khả năng của học sinh, tuân thủ các quy định của các cấp.

- Triển khai nội dung giáo dục tích hợp linh hoạt theo các hình thức phù hợp với thực tế địa phương, nhà trường và học sinh.

- Tham khảo những nội dung giáo dục tiên tiến của các mô hình giáo dục hiện đại để đưa vào kế hoạch giáo dục nhà trường một cách phù hợp với thực tế của địa phương.

4.5. Tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung tài liệu giáo dục địa phương Hải Dương

- Chọn nội dung/mạch kiến thức phù hợp, thực hiện tích hợp, lồng ghép, bổ sung, thay thế trong quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và được thể hiện trong kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục.

- Chọn chủ đề, nội dung phù hợp để xây dựng các hoạt động giáo dục tập thể, kết hợp học tập trên lớp với hoạt động trải nghiệm, thực hành, tham quan thực tế, sưu tầm tư liệu, thực hiện dự án, hoạt động phục vụ cộng đồng, hoạt động tình nguyện,...nhằm gắn lí luận với thực tiễn, tạo hứng thú học tập cho học sinh; nâng cao hiểu biết về thời sự, văn hóa, lịch sử, kinh tế xã hội, giúp học sinh phát huy năng lực đã đạt được trong chương trình các môn học, hoạt động giáo dục vào thực tiễn địa phương.

5. Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh

5.1. Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

- Tiếp tục vận dụng triệt để, hiệu quả các phương pháp dạy học và các kỹ thuật dạy học tích cực để thực hiện dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo.

- Tăng cường tổ chức hội thảo, chuyên đề và chỉ đạo rút kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy ở tất cả mọi khối lớp. Đổi mới hình thức chuyên đề như: Xây dựng tiết dạy theo nhóm, xem băng hình, đi thăm quan học tập những giáo viên, lớp điển hình của trường mình hoặc trường bạn...; tổ chức có hiệu quả các buổi sinh hoạt chuyên môn cấp trường, liên trường theo hướng nghiên cứu bài học, khuyến khích giáo viên tham gia sinh hoạt chuyên môn qua mạng thông tin trực tuyến, “trường học kết nối”;

- Xây dựng kho học liệu bài giảng điện tử.

5.2. Tích cực đổi mới kiểm tra, đánh giá

- Với lớp 5 tiếp tục đánh giá học sinh theo Thông tư 30/2014 ngày 28/4/2014 và Thông tư 22/2016 ngày 22/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Với học sinh lớp 1,2,3,4 thực hiện theo Quy định tại Thông tư số 27/2020 ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tiếp tục đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

- Thực hiện bàn giao chất lượng giáo dục nghiêm túc, kiên quyết không để học sinh ngồi nhầm lớp; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định.

6. Nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, Tin học

6.1. Dạy học Tiếng Anh

- Triển khai chương trình môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, 2 đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2010 của Bộ GDĐT.

- Dạy học tiếng Anh cho học sinh lớp 5 theo Chương trình thí điểm tiếng Anh cấp Tiểu học ban hành kèm theo Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Thực hiện dạy môn Tiếng Anh là môn học bắt buộc với thời lượng 4 tiết/tuần dành cho lớp 5.

- Thực hiện việc kiểm tra đánh giá theo quy định; chú trọng thực hiện đánh giá thường xuyên; bài kiểm tra định kỳ cần đánh giá đủ cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

- Sách giáo khoa, tài liệu tham khảo thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT

Lớp 1,2,3,4 : Theo mục 2.5 nội dung 2 phần II.

Lớp 5: thực hiện theo công văn 4329/BGDĐT-GDTH ngày 27/6/2013.

- Khai thác, sử dụng hiệu quả trang thiết bị hiện có; tham mưu với các cấp bổ sung thiết bị cần thiết tối thiểu cho phòng tiếng Anh. Khuyến khích giáo viên làm đồ dùng dạy học phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Xây dựng môi trường tiếng Anh: Tổ chức các hình thức dạy và học bao gồm cả trong và ngoài lớp học; tạo môi trường sử dụng và thể hiện bằng tiếng Anh tối đa cho giáo viên, học sinh; xây dựng kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp, tổ chức các loại hình câu lạc bộ tiếng Anh; khuyến khích đọc sách, truyện tiếng Anh; tổ chức, khuyến khích học sinh tham gia cuộc thi, sân chơi có sử dụng tiếng Anh; phát động phong trào giáo viên tham gia cùng học tiếng Anh với học sinh.

- Quan tâm bồi dưỡng, giúp đỡ để học sinh tham gia thi IOE các cấp.

6.2. Dạy học môn Tin học

- Tiếp tục tổ chức có chất lượng dạy học môn Tin học và tổ chức hoạt động giáo dục Tin học cấp tiểu học theo Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019; Công văn số 5087/BGDĐT ngày 21/12/2018 của Bộ GD&ĐT.

- Tổ chức câu lạc bộ môn học, khuyến khích học sinh tham gia các sân chơi để phát hiện và bồi dưỡng năng lực tin học, tư duy khoa học máy tính, hình thành và nuôi dưỡng đam mê khoa học, công nghệ cho học sinh.

- Tạo điều kiện cho giáo viên dạy môn Tin học được bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ dạy học Tin học và Công nghệ theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 với lớp 3,4.

- Thực hiện các giải pháp tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục Tin học, hoạt động giáo dục STEM, STEAM tiếp cận công nghệ số góp phần phát triển năng lực đặc thù Tin học, Khoa học, Công nghệ cho học sinh tiểu học

- Tham mưu tăng cường đầu tư nâng cấp thiết bị dạy học để từng bước nâng cao chất lượng dạy học môn Tin học.

7. Bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh hạn chế về năng lực, phẩm chất

7.1. Bồi dưỡng học sinh năng khiếu

- Tổ chức rà soát, kiểm tra phân loại các đối tượng học sinh, thành lập các câu lạc bộ theo môn học, theo sở thích, năng khiếu của từng học sinh.

- Lựa chọn giáo viên có năng lực phù hợp với các môn học, hoạt động giáo dục để hướng dẫn học sinh phát triển năng khiếu.

- Đưa hình thức học bồi dưỡng phù hợp với tâm lý học sinh như: Học trên lớp, tự làm bài tập trong tạp chí Toán tuổi thơ, văn tuổi thơ, giao lưu, chia sẻ với bạn trong câu lạc bộ..., giúp các em học một cách thoải mái.

- Khuyến khích học sinh tham gia các sân chơi: giải toán, Tiếng Anh qua mạng; Violympic Toán, Trạng nguyên Tiếng Việt,...

7.2. Phụ đạo học sinh hạn chế về năng lực, phẩm chất

- Các giáo viên chủ nhiệm lập danh sách học sinh chưa đạt yêu cầu do mình phụ trách, theo dõi sự tiến bộ của các em từ ý thức và qua kết quả học tập ngay trong các giờ học.

- Theo dõi sát sao, hướng dẫn phương pháp học tập, phối hợp với gia đình học sinh thường xuyên động viên, khuyến khích các em tạo sự cố gắng thực sự trong học tập và rèn luyện ý thức đạo đức, nhằm kịp thời khắc phục tình trạng học sinh yếu kém, lười học tập...

- Thời gian thực hiện: Trong các tiết học, các giờ tự học, các tiết học tăng cường, các giờ truy bài.

8. Thực hiện giáo dục đối với học sinh khuyết tật

- *Đối với trẻ khuyết tật*

+ Thực hiện Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

+ Thường xuyên cập nhật, huy động và duy trì tối đa số trẻ khuyết tật có khả năng học tập đến trường (hiện tại có 2 em: 1 em trí tuệ, 1 em vận động).

+ Tổ chức hoạt động giáo dục học sinh khuyết tật đúng hướng dẫn, xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân học sinh khuyết tật.

+ Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.

+ Thực hiện nghiêm túc các chính sách đối với học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013.

- *Đối với trẻ lang thang cơ nhỡ*: Thực hiện đúng theo TT số 39/2009/TT-BGDĐT ngày 19/12/2009 của Bộ GDĐT quy định giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

- Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

- Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên môn; quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với lớp 1, lớp 2, 3, 4 và Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đối với lớp 5.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ.

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

2. Phó Hiệu trưởng

- Giúp Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch. Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

- Cùng hiệu trưởng chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với lớp 1, 2,3 và Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đối với lớp 4,5 kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình của giáo viên.

- Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, cấp trường về dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

3. Tổ trưởng chuyên môn

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo xây dựng kế hoạch dạy học các môn học/HĐGD của tổ/khối chuyên môn, triển khai nghiên cứu góp ý xây dựng dự thảo Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2024 của trường; xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tổ chuyên môn, kế hoạch sinh hoạt chuyên môn tổ. Xây dựng chương trình công tác hàng tuần, hàng tháng để triển khai thực hiện và có trách nhiệm đôn đốc tổ viên thực hiện.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp dạy học và lựa chọn nội dung dạy học; những vấn đề vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên trong tổ.

- Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.

4. Giáo viên chủ nhiệm

- Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm và giảng dạy theo bộ môn phụ trách.
- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.
- Thực hiện nghiêm túc nội quy chế chuyên môn.
- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.
- Chịu trách nhiệm trong việc đánh giá, xếp loại học sinh. Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại, ghi học bạ. Báo cáo các mặt theo yêu cầu của Ban Giám hiệu và các tổ chức có liên quan trung thực, chính xác.
- Giữ mối liên hệ chặt chẽ với CMHS.
- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.
- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.

5. Đối với giáo viên phụ trách môn học

- Xây dựng kế hoạch giảng dạy theo bộ môn phụ trách.
- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.
- Thực hiện nghiêm túc nội quy chế chuyên môn.
- Chịu trách nhiệm chất lượng của môn giảng dạy.
- Chịu trách nhiệm trong việc đánh giá, xếp loại học sinh.
- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.
- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.

6. Tổng phụ trách Đội

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

Xây dựng kế hoạch chào cờ đầu tuần, tham mưu hiệu trưởng về việc phân công các thành viên chuẩn bị nội dung chào cờ.

Phụ trách công tác thi đua học sinh, xây dựng tiêu chí thi đua học sinh.

Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm khi được phân công.

6. Nhân viên thư viện, thiết bị

Tham mưu hiệu trưởng về kế hoạch trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị dạy học phục vụ việc giảng dạy theo chương trình giáo dục phổ thông.

Xây dựng kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị.

Tổ chức giới thiệu sách, thiết bị. Khuyến khích học sinh thường xuyên đọc sách, giáo viên thường xuyên sử dụng có hiệu quả thiết bị và đồ dùng dạy học.

Tham mưu tổ chức ngày hội đọc sách, hội thi kể chuyện theo sách; tham mưu hội thi làm đồ dùng dạy học.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023 - 2024 của Trường Tiểu học Hồng Hưng. Đề nghị các tổ chuyên môn, cá nhân thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, giáo viên kịp thời báo cáo để lãnh đạo nhà trường có biện pháp giải quyết cho hợp lý và hiệu quả./.

Nơi nhận

- Phòng GDĐT (để b/c);
- CB, GV, NV nhà trường (để t/h);
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Chuế